

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 7-2022

V/v: “Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Đức Thủy, ông Nguyễn Xuân Đồng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản: Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 07 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Vi Thị L, sinh năm 1997.

- Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, Bắc Giang (Có mặt).

*** Bị đơn:** Lưu Văn Q, sinh năm 1995.

- Địa chỉ: Phố C, T, L, Bắc Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/03/2022, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Vi Thị L trình bày:

Chị và anh Lưu Văn Q kết hôn với nhau vào năm 2018, trước khi cưới các bên có được tự do, tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và làm thủ tục đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã T, Lục Ngạn, Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 12/2019, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh Q không biết cách quan tâm đến gia đình, không có tiếng nói chung trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, chị chịu nhiều áp lực trong cuộc sống, đến tháng 4/2020

chị và anh Q sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân anh Q đến động viên và đón chị về đoàn tụ vợ chồng nhưng chị không về. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lưu Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Q có một con chung: Lưu Thị Như Q, sinh ngày 25/11/2019. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Lưu Văn Q trình bày: Anh và chị Vi Thị L kết hôn với nhau vào năm 2018, việc kết hôn do anh và chị L tự nguyện, không bị ép buộc, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã T, Lục Ngạn, Bắc Giang, sau ngày cưới vợ chồng anh về chung sống với nhau ngay, tình cảm ban đầu hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019 nguyên nhân do anh không quan tâm đến chị L, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020, trong thời gian sống ly thân anh động viên chị L về đoàn tụ vợ chồng nhưng chị L không về. Đến nay anh xác định tình cảm vẫn còn, mong chị L về đoàn tụ để nuôi dưỡng con cái. Chị L làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị L có một con chung Lưu Thị Như Q, sinh ngày 25/11/2019. Nếu chị L cương quyết ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa chị Vi Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và được nuôi con chung. Bị đơn là anh Lưu Văn Q không nhất trí. Các bên đương sự không thống nhất giải quyết được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 BLTTDS năm 2015.

- Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị L
- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vi Thị L được ly hôn anh Lưu Văn Q.
 - Về con chung: Giao cho chị Vi Thị L trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Lưu Thị Như Q, sinh ngày 25/11/2019. Sau khi ly hôn anh Lưu Văn Q được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.
 - Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.
 - Về tài sản, công nợ chung, ruộng canh tác: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.
 - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Vi Thị L là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Chị Vi Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị và anh Lưu Văn Q được ly hôn. Bị đơn anh Lưu Văn Q có hộ khẩu thường trú tại: Phố Chợ, Tân Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị L và anh Lưu Văn Q kết hôn với nhau vào năm 2018, việc kết hôn do các bên tự nguyện, không bị ép buộc, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Sơn, Lục Ngạn, Bắc Giang. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị L xác định nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái, không quan tâm đến nhau trong cuộc sống, chị chịu nhiều áp lực trong cuộc sống. Anh Q xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, anh và chị ly thân một thời gian, anh đã

động viên chị về đoàn tụ vợ chồng nhưng chị không về, chị L xin ly hôn anh vẫn còn yêu thương chị nên không nhất trí ly hôn.

Tại phiên tòa chị L cương quyết xin ly hôn anh Q, điều đó chứng tỏ chị L không còn yêu thương quý trọng anh Q nữa, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần xử cho chị L được ly hôn anh Q là phù hợp với khoản 1 Điều 56 LHNGĐ 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Vi Thị L và anh Lưu Văn Q sinh được một người con chung là: Lưu Thị Như Q, sinh ngày 25/11/2019. Cả chị L và anh Q đều có nguyện vọng con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy cả chị L, anh Q đều có thu nhập, có đủ điều kiện để nuôi dạy con, nguyện vọng nuôi con của anh chị là chính đáng. Tuy nhiên hiện nay cháu Quỳnh dưới ba tuổi. Tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định “Con dưới 36 tháng tuổi trực tiếp giao cho mẹ nuôi dưỡng”. Để đảm bảo cho cháu phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần và phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần giao chị L trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lưu Thị Như Q, sinh ngày 25/11/2019.

[2.3] Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Vi Thị L là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vi Thị L được ly hôn với anh Lưu Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Vi Thị L là người trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Lưu Thị Như Q, sinh ngày 25/11/2019. Sau khi ly hôn anh Lưu Văn Q được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Vi Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010682 ngày 30 tháng 03 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Chị Vi Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- UBND xã T;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Nguyễn Văn Hiếu